TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **797**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 748/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T - sinh năm 1988

CCCD số: 038188048048 cấp ngày 24/4/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

HKTT: K, thị trấn D, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú hiện nay: 2404 CT2A Chung cư T, số A P, phường N, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1992

CCCD số: 035092014252 cấp ngày 10/7/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

HKTT và nơi cư trú hiện nay: Số B hẻm E phố Đ, tổ B, phường V, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Về con chung:** Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn C có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A – sinh ngày 11/5/2023. Sau khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Tuấn A cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

đối với ông Nguyễn Văn C đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có yêu cầu khác.

Không ai có quyền cản trở việc thăm gặp, chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3.Về án phí: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn C mỗi người phải nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T chịu toàn bộ án phí. Bà Lê Thị T phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng),* được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hà Nội theo biên lai số: 0001604 ngày 17/7/2026. Hoàn trả cho bà Lê Thị T 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội;
- UBND phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội) (GCNKH số 18, ngày 20/2/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Huyền